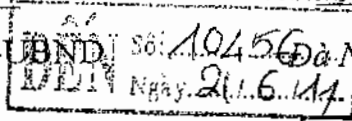


UỶ BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16 /2011/QĐ-UBND Số: 10456 Đà Nẵng, ngày 15 tháng 6 năm 2011



**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định việc quản lý, sử dụng vốn uỷ thác của ngân sách thành phố tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng**

**UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm; Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 24/2005/TT-BTC ngày 04 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách Xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 29 tháng 07 năm 2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính- Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg;

Căn cứ Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01 tháng 08 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế xử lý nợ rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 825/STC-QLNS ngày 13 tháng 5 năm 2011,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định việc Quản lý, sử dụng vốn uỷ thác của ngân sách thành phố tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các văn bản: Quyết định số 02/2006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng vốn uỷ thác từ ngân sách thành phố sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng để cho vay đối với hộ nghèo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng vốn uỷ thác của ngân sách thành phố tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng để cho vay giải quyết việc làm đối với đối tượng trong diện thu hồi đất sản xuất, di dời, giải toả trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

**Điều 3.** Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện Quy định ban hành kèm Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp;
- Ngân hàng Chính sách xã hội VN;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- TVTU, TT HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- UBNDTTQVN thành phố Đà Nẵng;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Chi nhánh NHCSXH thành phố Đà Nẵng;
- TT Công báo TP Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện;
- Ủy ban nhân dân các phường, xã;
- CPVP, các phòng: NCPC, KTTH, VX, TH;
- Lưu: VT-LT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Minh**

## QUY ĐỊNH

Việc quản lý, sử dụng vốn ủy thác của ngân sách thành phố  
tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Đà Nẵng  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2011/QĐ-UBND  
ngày 15 tháng 6 năm 2011 của UBND thành phố Đà Nẵng)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý, sử dụng vốn ủy thác của ngân sách thành phố tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng để cho vay nhằm tạo việc làm, hỗ trợ hộ nghèo, thực hiện mục tiêu giảm nghèo và chính sách an sinh xã hội của thành phố.

#### Điều 2. Nguồn vốn cho vay

Hàng năm, trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách thành phố để chuyển sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng cho vay theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### Điều 3. Cơ chế cho vay

Thực hiện theo Điều 3, Điều 5 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; các văn bản hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội. Cụ thể:

1. Đối với hộ gia đình: Áp dụng phương thức cho vay ủy thác từng phần qua các tổ chức chính trị - xã hội trên cơ sở thiết lập các Tổ Tiết kiệm và vay vốn; mức cho vay tối đa không quá 20 triệu đồng/hộ gia đình.

2. Đối với hộ kinh doanh cá thể: Áp dụng phương thức cho vay trực tiếp tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận, huyện; mức cho vay tối đa không quá 50 triệu đồng/dự án và không quá 20 triệu đồng/1 lao động được thu hút mới.

3. Đối với dự án có mức vay trên 30 triệu đồng phải có tài sản thế chấp, cầm cố theo quy định hiện hành hoặc bảo đảm tiền vay theo văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

4. Trên cơ sở nhu cầu vay vốn và khả năng nguồn vốn có thể huy động được trong từng thời kỳ, Chủ tịch UBND thành phố quyết định điều chỉnh mức cho vay nêu trên.

#### **Điều 4. Nguyên tắc tín dụng**

1. Việc cho vay phải bảo đảm đúng đối tượng và điều kiện vay vốn theo quy định.
2. Người vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi.
3. Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng được vay vốn.

### **Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 5. Đối tượng được vay vốn**

1. Hộ nghèo, hộ đặc biệt nghèo, hộ cận nghèo và hộ đã thoát nghèo nhưng cần có thêm 2 năm liên tiếp để ổn định và thoát nghèo bền vững theo chuẩn của thành phố (sau đây gọi chung là hộ nghèo).
2. Hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể bị thu hồi đất sản xuất do di dời, giải toả trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
3. Các đối tượng khác do Chủ tịch UBND thành phố quyết định.

#### **Điều 6. Điều kiện được vay vốn**

1. Đối với hộ nghèo:
  - a) Cư trú hợp pháp tại địa phương.
  - b) Phải có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ đặc biệt nghèo, hộ cận nghèo và hộ đã thoát nghèo nhưng cần có thêm 2 năm liên tiếp để ổn định và thoát nghèo bền vững ở xã, phường nơi cư trú.
2. Đối với hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể bị thu hồi đất sản xuất do di dời, giải toả:
  - a) Có dự án vay vốn khả thi, đảm bảo tạo việc làm mới, ổn định; thu hút thêm ít nhất 01 lao động; được UBND xã, phường nơi thực hiện dự án xác nhận.
  - b) Đối với hộ gia đình: phải cư trú hợp pháp tại xã, phường nơi thực hiện dự án.
  - c) Mỗi hộ chỉ được vay một nơi, cụ thể như sau:
    - Hộ gia đình: vay tại nơi đăng ký thường trú hoặc nơi tạm trú;
    - Hộ kinh doanh cá thể: vay tại nơi thực hiện dự án.
  - d) Có ít nhất một trong các giấy tờ sau đây để chứng minh là hộ bị thu hồi đất sản xuất do giải toả:
    - Quyết định thu hồi đất của UBND quận, huyện;
    - Biên bản bàn giao mặt bằng có xác nhận của UBND xã, phường, đơn vị chi trả tiền đền bù và chủ hộ.

3. Chủ tịch UBND thành phố quy định cụ thể điều kiện được vay vốn đối với các đối tượng nêu tại khoản 3 Điều 5.

**Điều 7. Thời hạn, lãi suất, phương thức cho vay; trách nhiệm thẩm định dự án và thẩm quyền phê duyệt dự án**

1. Đối với hộ nghèo: Thực hiện theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP và các văn bản hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội về cho vay đối với hộ nghèo.

2. Đối với hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể bị thu hồi đất sản xuất do giải toả: Thực hiện theo các Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg, 15/2008/QĐ-TTg và các văn bản hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội về quy trình thủ tục cho vay giải quyết việc làm.

3. Chủ tịch UBND thành phố quy định cụ thể quy trình thủ tục cho vay đối với các đối tượng nêu tại khoản 3 Điều 5.

**Điều 8. Xử lý nợ bị rủi ro**

1. Hộ vay vốn ủy thác từ ngân sách thành phố bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý nợ; các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình gây ra thì tổ chức, cá nhân, hộ gia đình phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc, biện pháp, thời điểm và hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 161/2010/TT-BTC.

3. Trình tự thực hiện xử lý nợ bị rủi ro:

a) Đối tượng vay có trách nhiệm lập đơn và hồ sơ xử lý nợ theo quy định gửi đến Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận, huyện nơi vay vốn. Phòng Giao dịch kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ; lập biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản, có sự tham gia xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã; tổng hợp hồ sơ xử lý nợ báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội thành phố Đà Nẵng.

b) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội thành phố Đà Nẵng kiểm tra, xác nhận mức độ rủi ro; xác nhận tính chính xác, tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị xử lý nợ của đối tượng; tổng hợp và có ý kiến bằng văn bản về đề nghị xử lý nợ bị rủi ro, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính và Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách Xã hội thành phố.

c) Căn cứ Nghị quyết của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách Xã hội thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, phúc tra và lập thủ tục trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Căn cứ Quyết định xử lý nợ bị rủi ro của cấp có thẩm quyền, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng tổ chức thực hiện.

#### 4. Thẩm quyền xử lý rủi ro:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định đối với việc xoá nợ (gốc và lãi) cho đối tượng vay đối với trường hợp quy mô của đợt xoá nợ vượt quá Quỹ dự phòng rủi ro tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội thành phố.

b) Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội thành phố Đà Nẵng quyết định việc xoá nợ cho đối tượng vay đối với trường hợp quy mô của đợt xoá nợ không vượt quá Quỹ dự phòng rủi ro tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội thành phố trên cơ sở đề nghị của Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội thành phố.

#### 5. Nguồn vốn xử lý rủi ro:

Nguồn vốn để xoá nợ cho đối tượng được sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội thành phố Đà Nẵng (Quỹ dự phòng rủi ro được trích lập theo quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 9 của Quy chế này). Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng phối hợp Sở Tài chính báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

#### **Điều 9. Phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay**

Lãi thu được từ nguồn vốn uỷ thác được sử dụng để chi phí hoạt động nghiệp vụ, chi phí quản lý của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Đà Nẵng, chi hỗ trợ hàng tháng cho Trưởng ban giảm nghèo và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Cụ thể như sau:

##### 1. Phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay đối với hộ nghèo

a) Chi trả hoa hồng cho Tổ Tiết kiệm và vay vốn, chi trả phí uỷ thác cho tổ chức hội, đoàn thể nhận uỷ thác cho vay. Mức chi theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng: Theo mức quy định của Bộ Tài chính.

c) Phần còn lại, được quy thành 100% và phân phối lại như sau:

- 70% cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố để chi phí cho hoạt động nghiệp vụ và chi phí quản lý theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

- 30% cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố để chi trợ cấp hàng tháng cho Trưởng ban giảm nghèo phường, xã.

2. Phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay đối với đối tượng thu hồi đất sản xuất do giải toả được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC. Cụ thể như sau:

a) Trích 50% chi trả phí uỷ thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố để thực hiện công tác hướng dẫn người vay vốn xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn, tổ chức thẩm định, giải ngân, thu hồi vốn, xử lý nợ, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện cho vay. Việc sử dụng phí uỷ thác thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Trích 20% cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố để phân phối cho các đơn vị, địa phương (căn cứ báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố và kết quả thu lãi, kế hoạch cho vay và giải quyết việc làm; kế hoạch kiểm tra, giám sát), nhằm mục đích:

- Chi hỗ trợ cho Trường Ban giảm nghèo phường, xã (cùng với nguồn lãi thu được cho vay đối với hộ nghèo theo điểm c khoản 1 Điều 9 Quy định này).

- Chi cho công tác lập kế hoạch cho vay và kế hoạch giải quyết việc làm; kiểm tra, giám sát đánh giá chỉ tiêu tạo việc làm mới. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm 3, mục II Thông tư số 73/2008/TT-BTC.

- Chi phục vụ các nội dung liên quan đến công tác quản lý, thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, đôn đốc thu hồi nợ xâm tiêu và các nội dung khác có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng vốn uỷ thác, xác nhận đối tượng hộ nghèo, hộ thoát nghèo...

c) Trích 30% lập Quỹ dự phòng rủi ro.

3. Chủ tịch UBND thành phố quy định cụ thể về việc phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay đối với đối tượng nêu tại khoản 3 Điều 5.

4. Mức chi trợ cấp hàng tháng cho Trường Ban giảm nghèo phường, xã là 150.000đồng/người/tháng.

5. Hàng quý, căn cứ mức phân phối lãi nêu trên, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng lập thủ tục chuyên cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện nhiệm vụ chi. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phân bổ kinh phí chi trợ cấp hàng tháng cho Trường Ban xoá đói giảm nghèo phường, xã (hoặc uỷ quyền cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện thực hiện phân bổ kinh phí cho các phường, xã) và các đơn vị, địa phương có liên quan. Cuối năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết toán với Sở Tài chính (tổng hợp chung và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động hàng năm của Sở).

### **Điều 10. Chuyển vốn uỷ thác**

Căn cứ dự toán được bố trí trong năm và khả năng cân đối ngân sách từng quý và trên cơ sở nhu cầu theo đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chuyển vốn uỷ thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố.

### **Điều 11. Thu hồi vốn uỷ thác**

Khi xét thấy cần thiết phải thu hồi nguồn vốn đã uỷ thác, Ủy ban nhân dân thành phố có quyết định, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà

Năng thực hiện thu hồi vốn vay đến hạn (không tiếp tục cho vay từ nguồn vốn uỷ thác) để chuyển trả cho ngân sách thành phố cho đến khi thu hồi hết vốn uỷ thác.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố bố trí nguồn vốn uỷ thác vào dự toán chi ngân sách thành phố hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

2. Kiểm tra việc sử dụng kinh phí từ nguồn lãi phân phối theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

#### **Điều 13. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Phối hợp với Sở Tài chính và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch bố trí nguồn vốn uỷ thác từ ngân sách thành phố hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Xây dựng kế hoạch giảm hộ nghèo toàn thành phố hàng năm.

2. Xây dựng kế hoạch cho vay giải quyết việc làm hàng năm đối với hộ gia đình trong diện thu hồi đất sản xuất do di dời, giải toả; giao kế hoạch cho vay.

3. Kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình chỉ tiêu tạo việc làm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BKHĐT.

4. Chủ trì phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội thành phố và các sở, ngành liên quan:

a) Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro của hộ vay vốn uỷ thác từ ngân sách thành phố; phúc tra, lập thủ tục xử lý và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

b) Kiểm tra tình hình và kết quả thực hiện cho vay vốn uỷ thác từ ngân sách thành phố. Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố**

1. Quản lý và sử dụng vốn uỷ thác theo đúng các quy định nêu trên.

2. Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng; không được để vốn tồn đọng.



3. Chủ trì hướng dẫn người vay vốn xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn, thẩm định dự án và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, giải ngân vốn vay và thu hồi nợ.

4. Hướng dẫn quy trình, thủ tục giải ngân thu hồi vốn, xử lý nợ đảm bảo chặt chẽ, đơn giản, tránh phiền hà cho người vay. Thực hiện giám sát quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng.

5. Tổng hợp báo cáo định kỳ tháng, quý, 6 tháng và hàng năm về tình hình sử dụng vốn cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính.

#### **Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận, huyện**

1. Quyết định phê duyệt dự án; đồng thời, chịu trách nhiệm về tính hiệu quả của dự án vay vốn.

2. Chỉ đạo các cơ quan chức năng, các cơ quan thực hiện chương trình và Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận, huyện thực hiện đúng cơ chế, chính sách cho vay từ nguồn vốn uỷ thác.

#### **Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường, xã**

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và hội, đoàn thể ở địa phương để thực hiện việc xét, xác định hộ nghèo.

2. Chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận hồ sơ vay vốn:

a) Hộ gia đình có đăng ký thường trú hoặc tạm trú của tại địa phương;

b) Đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đặc biệt nghèo, hộ đã thoát nghèo nhưng cần có thêm 2 năm liên tiếp để ổn định và thoát nghèo bền vững ở địa phương.

c) Địa điểm thực hiện của dự án vay vốn thuộc địa phương quản lý.

d) Các nội dung khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về đối tượng, điều kiện vay vốn.

3. Phối hợp với Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận, huyện; các hội, đoàn thể, cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ.

#### **Điều 18. Các hội, đoàn thể**

1. Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện uỷ thác cho vay.

2. Tổ chức giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và Hợp đồng uỷ thác cho vay đã ký với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố.

#### **Điều 19. Tổ chức thực hiện**

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc thì các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo sử dụng vốn uỷ thác đúng mục đích, có hiệu quả./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
HỦ TỊCH



*liê*

Trần Văn Minh